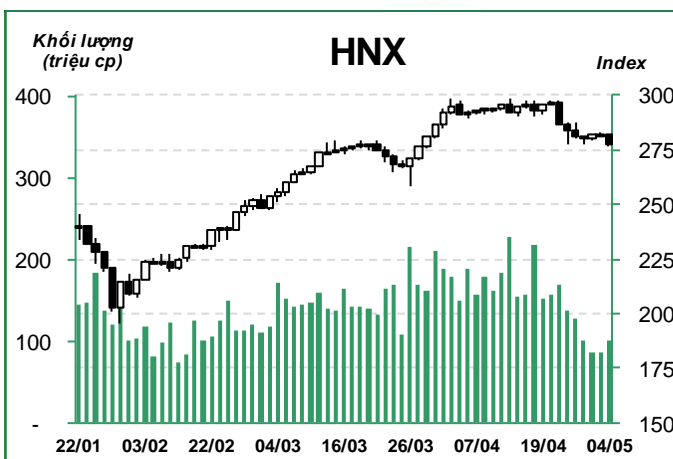
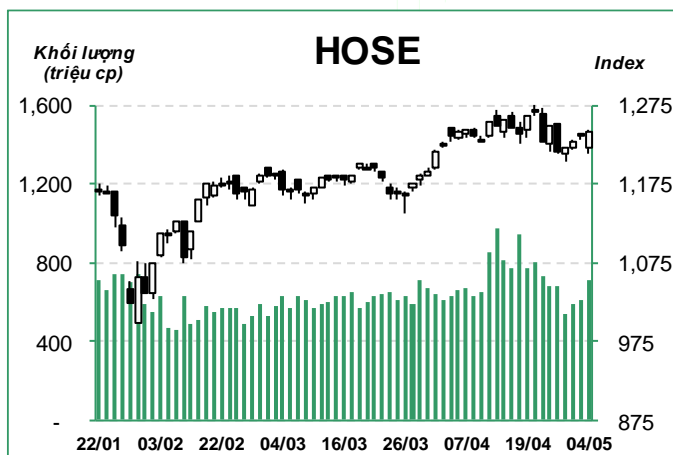


Tổng quan thị trường

04/05/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,242.20	0.23%	1,328.03	1.20%	277.71	-1.43%
Cuối tuần trước	1,239.39	0.23%	1,312.28	1.20%	281.75	-1.43%
Trung bình 20 ngày	1,241.38	0.07%	1,282.13	3.58%	289.29	-4.00%
Tổng KLGĐ (triệu cp)	796.64	23.12%	293.61	14.53%	102.40	-15.65%
KLGĐ khớp lệnh	712.63	16.02%	274.20	13.15%	100.55	18.10%
Trung bình 20 ngày	733.48	-2.84%	223.79	22.53%	150.09	-33.01%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	21,454.65	11.18%	12,733.85	7.58%	1,861.33	-22.35%
GTGD khớp lệnh	18,791.53	3.87%	11,789.10	3.88%	1,817.24	6.22%
Trung bình 20 ngày	17,444.11	7.72%	9,635.55	22.35%	2,632.26	-30.96%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	154	34%	15	50%	76	21%
Số mã giảm	263	58%	15	50%	164	45%
Số mã đứng giá	35	8%	0	0%	126	34%



Thị trường có phiên biến động trái chiều của các chỉ số chính trong ngày đầu giao dịch trở lại sau kỳ nghỉ lễ. Áp lực bán được đẩy lên đỉnh điểm ngay đầu phiên trong bối cảnh nhiều nhà đầu tư vội vàng thoát hàng trước một loạt các thông tin về các ca nhiễm Covid-19 trong cộng đồng được công bố cũng như nỗi lo về tình trạng “Sell in May” sẽ diễn ra. Tuy nhiên, càng dần về cuối phiên, tâm lý thị trường đã dần được cải thiện khi lực cầu giá cao bùng nổ ở một số cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt là nhóm ngân hàng, thép và BĐS giúp VN-Index đảo chiều ngoạn mục và lấy lại sắc xanh. Trong khi đó, HNX-Index vẫn lao dốc trong cả phiên giao dịch. Mặc dù VN-Index đã đảo chiều tăng điểm trở lại, xu hướng trong những phiên sắp tới vẫn sẽ biến động khó lường khi bị ảnh hưởng nhiều bởi những thông tin liên quan đến tình hình dịch Covid-19 trong nước.

Trên sàn HoSE, VN-Index đóng cửa tăng nhẹ lên mức 1,242.20 điểm (+0.23%). Thanh khoản dần khởi sắc khi tăng trở lại ở mức cao với KLGĐ khớp lệnh đạt 712.6 triệu cổ phiếu (+16.0%), tương đương 18,792 tỷ đồng giá trị (+3.9%). Tuy nhiên, độ rộng thị trường lại đang nghiêng về bên bán với 263 mã giảm so với 154 mã tăng.

VN-Index xảy ra tình trạng “xanh vỏ, đỏ lòng” khi chủ yếu được kéo xanh bởi các cổ phiếu Bluechips. Đặc biệt là nhóm ngân hàng với các cổ phiếu như Techcombank-TCB (+5.9%), Vietinbank-CTG (+5.4%), MBBank-MBB (+3.0%). Ngoài ra, nhóm BĐS với Vingroup-VIC (+2.0%), BĐS Phát Đạt-PDR (+4.0%), Nhà Khang Điền-KDH (+5.1%) cùng nhóm thép với Hòa Phát-HPG (+2.9%), Tập đoàn Hoa Sen-HSG (+5.8%) hay Thép Nam Kim-NKG (+5.8%) cũng có tín hiệu tăng tốt. Ở chiều ngược lại, tác động tiêu cực cho chỉ số đến từ nhóm thực phẩm đồ uống với Vinamilk-VNM (-2.0%), Sabeco-SAB (-3.5%), Masan-MSN (-2.1%) vẫn giảm sâu. Bên cạnh đó, sắc đỏ cũng lan tỏa đến nhiều cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ. Đáng

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
MBB	7,159.9	202.38
MWG	1,360.6	178.38
NVL	1,325.0	168.58
ACB	4,530.0	156.96
VIB	2,800.0	145.04
EIB	4,488.9	122.64
KBC	3,000.0	117.15
TPB	4,000.0	105.80
HAG	19,000.0	96.14
FPT	1,063.6	80.09
HNX		
IDC	735.0	24.26
NVB	1,000.0	16.00
DDG	62.5	2.00
IDV	18.0	1.18
TNG	30.0	0.66

chú ý là nhiều cổ phiếu penny tiếp tục bị bán tháo ồ ạt như Tập đoàn FLC-FLC (-5.4%), FLC FAROS-ROS (-6.8%) hay KCN Tân Tạo-ITA (-3.2%).

Khối ngoại quay trở lại bán ròng trên sàn HoSE trong phiên giao dịch đầu tuần với giá trị 700.1 tỷ đồng (+76.5%). Trong đó, Hòa Phát-HPG (-356.8 tỷ), VPBank-VPB (-189.1 tỷ), Đô thị Kinh Bắc-KBC (-112.5 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Trái lại, khối ngoại mua ròng chủ yếu là Sacombank-STB (+92.4 tỷ), Novaland-NVL (+74.6 tỷ) và Masan-MSN (+26.8 tỷ).

Có diễn biến trái ngược, chỉ số HNX-Index có phiên giảm sâu và đóng cửa tại mức 277.71 điểm (-1.43%). KLGĐ khớp lệnh đạt 100.6 triệu cổ phiếu (+18.1%), tương đương 1,817.2 tỷ đồng giá trị (+6.2%).

Ngoài trừ nhóm cổ phiếu chứng khoán được lực cầu hướng đến với các cổ phiếu tăng điểm nổi bật như Chứng khoán VNDIRECT-VND (+2.5%), Chứng khoán Everest-EVS (+9.1%) hay Chứng khoán Artex-ART (+9.6%), đa phần các trụ cột của sàn HNX đều đồng loạt giảm sâu, đặc biệt là nhóm ngân hàng với bộ đôi Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-4.0%) và Ngân hàng Bắc Á-BAB (-3.0%).

Khối ngoại cũng có phiên bán ròng trên sàn HNX hôm nay, đạt giá trị 19.0 tỷ đồng. Với những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Chứng khoán VNDIRECT-VND (-16.9 tỷ), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (-1.0 tỷ) và KLF Global-KLF (-0.8 tỷ). Trong khi đó, Thống Nhất-BAX (+0.8 tỷ), Vinam Group-CVN (+0.5 tỷ), Hạ tầng Vĩnh Phúc-IDV (+0.4 tỷ) là những cổ phiếu được mua ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng và vượt qua bình quân 10 phiên giao dịch, hàm ý dòng tiền đang tái gia nhập thị trường. Không những vậy, chỉ số duy trì đóng cửa trên MA20, cùng với RSI vượt lên trên vùng 55, cho thấy chỉ số đang quay lại xu hướng tăng ngắn hạn. Trong trường hợp tích cực, chỉ số có thể tiếp tục hướng lên thử thách vùng kháng cự quanh 1,280 – 1,285 điểm (đỉnh cũ). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến trái chiều. Chỉ số có phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp và duy trì đóng cửa dưới MA20, cùng với MACD hướng xuống dưới Signal duy trì tín hiệu bán, cho thấy chỉ số có thể vẫn chưa thoát khỏi áp lực điều chỉnh ngắn hạn với ngưỡng hỗ trợ gần quanh vùng 274 điểm (MA50) và xa hơn là vùng 260 điểm (đáy tháng 3/2021). Nhìn chung, thị trường đang dần quay trở lại xu hướng tăng ngắn hạn. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư có thể cân nhắc mở một số vị thế mua thăm dò với tỷ trọng nhỏ vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và đang hút được dòng tiền mạnh.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
BTP	16.1	248.8	7.0%
GMC	28.4	8.6	7.0%
DCL	33.0	714.9	7.0%
FUCTVGF2	16.2	0.1	6.9%
VAF	10.9	11.4	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CMV	15.3	0.7	-7.0%
HOT	30.6	0.2	-7.0%
MCG	3.1	133.0	-7.0%
HQC	3.6	24,144.2	-7.0%
TNT	7.6	359.0	-7.0%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	59.8	1,923.2	2.9%
VPB	59.5	1,430.6	1.7%
TCB	43.4	1,380.6	5.9%
STB	24.1	1,290.0	0.8%
CTG	43.0	1,073.2	5.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ROS	6.0	59,366.1	-6.8%
STB	24.1	54,337.9	0.8%
FLC	10.5	37,416.0	-5.4%
HPG	59.8	32,996.0	2.9%
TCB	43.4	32,534.8	5.9%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
L18	17.6	8.7	10.0%
QST	11.0	0.1	10.0%
VNT	79.3	0.1	10.0%
THS	16.7	15.0	9.9%
DNM	44.6	208.2	9.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VE1	4.5	37.9	-10.0%
L43	4.5	4.5	-10.0%
SGC	81.0	0.1	-10.0%
MKV	31.5	0.1	-10.0%
CDN	27.5	23.4	-9.8%

Top 5 giá trị

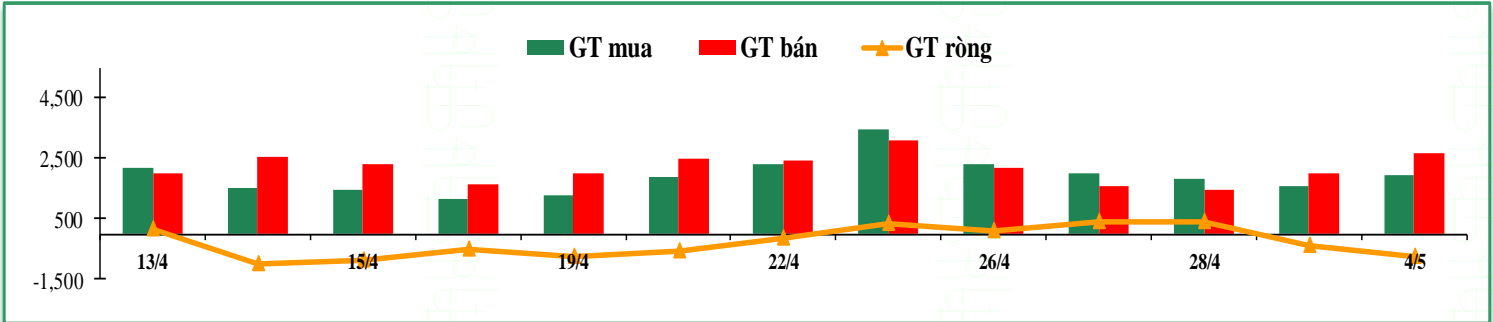
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	26.3	374.1	-4.0%
THD	187.6	216.7	0.2%
VND	37.1	206.1	2.5%
SHS	27.6	170.0	0.7%
NVB	17.0	125.1	0.6%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	26.3	14,028.9	-4.0%
KLF	5.0	11,706.6	-9.1%
ART	9.1	9,781.8	9.6%
NVB	17.0	7,497.6	0.6%
SHS	27.6	6,313.2	0.7%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,919.6	8.9%	2,619.7	12.2%	-700.1
HNX	8.2	0.4%	27.2	1.5%	-19.0
Tổng số	1,927.9		2,647.0		-719.1



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MBB	31.3	250.3	3.0%
MWG	139.4	189.2	-1.1%
VPB	59.5	131.3	1.7%
HPG	59.8	121.5	2.9%
STB	24.1	102.7	0.8%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	59.8	478.3	2.9%
VPB	59.5	320.4	1.7%
MBB	31.3	232.9	3.0%
MWG	139.4	189.2	-1.1%
VNM	91.6	150.3	-2.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
STB	24.1	92.4	0.8%
NVL	131.5	74.6	0.1%
MSN	95.9	26.8	-2.1%
HSG	33.6	17.8	5.8%
MBB	31.3	17.4	3.0%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	37.1	2.7	2.5%
BVS	20.4	0.8	-1.9%
BAX	73.0	0.8	-1.1%
ART	9.1	0.5	9.6%
CVN	9.9	0.5	-1.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	37.1	19.6	2.5%
SHS	27.6	1.0	0.7%
ART	9.1	0.8	9.6%
KLF	5.0	0.8	-9.1%
NSC	75.3	0.7	2.4%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
BAX	73.0	0.8	-1.1%
CVN	9.9	0.5	-1.0%
IDV	71.5	0.4	-1.4%
BVS	20.4	0.3	-1.9%
PMC	66.0	0.2	-1.3%

Tin trong nước

Nikkei Asia: Samsung đề nghị được mua điện mặt trời, điện gió trực tiếp, không qua EVN

Nikkei Asia đưa tin, "gã khổng lồ" điện tử Hàn Quốc Samsung đang đàm phán với Việt Nam về việc tham gia dự án thí điểm năng lượng tái tạo. Ở chiều ngược lại, tập đoàn này cần hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu vào chuỗi cung ứng.

Tập đoàn đề xuất đề xuất Bộ Công Thương hướng dẫn hỗ trợ trong việc triển khai thí điểm cơ chế DPPA (cơ chế mua bán điện trực tiếp). Nếu đề xuất được chấp thuận thì Samsung có thể mua điện trực tiếp từ đơn vị phát điện năng lượng tái tạo mà không phải thông qua EVN.

Trước đó, Samsung đã công bố bắt đầu xây dựng Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển (R&D) mới với quy mô lớn nhất khu vực Đông Nam Á tại khu đô thị Tây Hồ Tây, Hà Nội.

Năm 2020, khoảng 25 doanh nghiệp tại Việt Nam lọt vào danh sách các nhà cung cấp chính của Samsung Electronics. Tuy nhiên, phần lớn trong số này là các công ty nước ngoài. Samsung nâng cao chuỗi giá trị cũng sẽ giúp Việt Nam "cải thiện chất lượng nền kinh tế, tạo tăng trưởng bền vững và tránh bẫy thu nhập trung bình".

Nếu được thông qua, Samsung sẽ có quyền trực tiếp ký kết hợp đồng và thỏa thuận giá điện với đơn vị phát điện năng lượng tái tạo mà không cần phải thông qua Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

PMI tháng 4: Giá cả hàng hóa tăng nhanh nhất trong gần một thập kỷ

HS Markit vừa công bố báo cáo cho thấy Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 4 của Việt Nam đạt 54,7, tăng 1,1 điểm phần trăm so với tháng trước. Đây là tháng thứ 3 ghi nhận chỉ số tăng liên tiếp. Sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới tăng nhanh hơn khiến nhà sản xuất cũng đẩy mạnh việc mua nguyên liệu sản xuất và sử dụng nhiều lao động hơn.

Các công ty sản xuất hàng hóa tiêu dùng có mức tăng sản lượng mạnh nhất trong 3 lĩnh vực được khảo sát.

Báo cáo của IHS Markit còn cho thấy tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng đã được cải thiện nhưng tình trạng khan hiếm nguồn cung và chi phí vận chuyển tăng khiến giá cả đầu vào cũng tăng theo. Mức độ tăng chi phí vẫn lớn và chỉ chậm hơn một chút so với tháng 3. Các công ty tăng mạnh giá bán hàng hóa với mức tăng nhanh nhất trong gần một thập kỷ trở lại đây.

Tháng 3, PMI của Việt Nam đạt 53,6 điểm, cao hơn 2 điểm phần trăm so với tháng 2. Theo đó, sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và xuất khẩu đều tăng nhanh hơn cho thấy sức khỏe của ngành sản xuất đã cải thiện mạnh mẽ.

Nguồn: NDH

Tin doanh nghiệp niêm yết

PV Power (POW): Quý 1 lãi sau thuế đạt 566 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PV Power - mã CK: POW) đã công bố BCTC quý 1/2021. POW ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất và lãi gộp quý 1/2021 lần lượt giảm 4% và 14% so với cùng kỳ, đạt 7.661 tỷ đồng và 876 tỷ đồng.

Mặc dù chi phí bán hàng và chi phí QLDN đều tăng cao so với cùng kỳ, POW vẫn báo lãi sau thuế 566 tỷ đồng tăng 12% so với cùng kỳ, LNST công ty mẹ đạt trên 508 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân lợi nhuận tăng cao là do ghi nhận sản lượng điện các nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1 giảm, còn nhà máy Vũng Áng 2 tăng so với cùng kỳ. Doanh thu tài chính Công ty mẹ tăng 360 tỷ đồng so với cùng kỳ do tăng khoản lãi từ thoái vốn khỏi PV Machino.

POW đặt các chỉ tiêu kinh doanh cho năm 2021 đều giảm đáng kể so với thực hiện của năm 2020 với doanh thu dự kiến đạt 28.403,6 tỷ đồng và lãi trước thuế 1.548,5 tỷ đồng lần lượt giảm 6% và 46%.

Thành Thành Công Biên Hòa (SBT) báo lãi lũy kế 480 tỷ đồng, gấp 3,2 lần cùng kỳ

CTCP Thành Thành Công Biên Hòa (mã chứng khoán SBT) công bố kết quả kinh doanh quý 3 năm tài chính 2020-2021 (năm tài chính của Thành Thành Công Biên Hòa bắt đầu từ 1/7 và kết thúc vào 30/6 năm sau).

Quý 3 vừa qua Doanh thu Công ty đạt hơn 3.180 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 205 tỷ đồng, tăng mạnh 78% so với cùng kỳ.

Về hoạt động tài chính, doanh thu tài chính trong quý đạt 96 tỷ đồng, tăng 31 tỷ đồng so với cùng kỳ. Trong khi đó chi phí tài chính giảm mạnh 48 tỷ, xuống còn 179 tỷ đồng, tiết giảm 21% so với cùng kỳ. Chi phí bán hàng trong quý đạt hơn 110 tỷ đồng, giảm được 35 tỷ đồng, tương đương giảm 24% so với cùng kỳ. Các chi phí này giảm mạnh trong bối cảnh doanh thu Công ty tăng trưởng là tín hiệu tốt cho việc Công ty đã đi đúng theo đúng theo chiến lược phát triển đã đặt ra.

Kết quả, Thành Thành Công - Biên Hòa đạt Lợi nhuận trước thuế hơn 215 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 192 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm ngoái.

Lũy kế 3 quý đầu năm tài chính 2020-2021 Thành Thành Công - Biên Hòa đạt Doanh thu thuần 10.750 tỷ đồng, tăng 18%, Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 548 tỷ đồng tăng 140%, Lợi nhuận sau thuế đạt 480 tỷ đồng tăng gấp 3,2 lần so với cùng kỳ.

Niên độ 2020-2021 Thành Thành Công - Biên Hòa đặt mục tiêu Doanh thu thuần đạt 14.358 tỷ đồng và Lợi nhuận trước thuế đạt 662 tỷ đồng. Như vậy kết thúc quý 3 công ty đã hoàn thành 75% kế hoạch doanh thu và 83% chỉ tiêu lợi nhuận được giao cho cả năm. Tính riêng lợi nhuận sau thuế 9 tháng niên độ này đã vượt hơn 32% so với lợi nhuận cả niên độ trước.

Nguồn: Cafef

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	STB	Mua	05/05/21	24.1	24.1	0.0%	26.3	9.1%	22.9	-5.0%	Cổ phiếu đang trong xu hướng tăng

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	MBB	Quan sát mua	05/05/21	31.25	34-34.5	Tín hiệu break kênh điều chỉnh với nền tăng tốt kèm vol cao -> khả năng quay lại xu hướng tăng
2	VIC	Quan sát mua	05/05/21	133.6	145	Nhịp điều chỉnh về hỗ trợ 129-134 tích cực với vol thấp -> khả năng sắp quay lại xu hướng tăng
3	DIG	Quan sát mua	05/05/21	27	30	Nhịp điều chỉnh về cạnh dưới vùng sideway 26-30 với nền, vol nhỏ dần -> có cơ hội tăng về lại cạnh trên quanh 30

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Mua	20/04/21	82.9	81.5	1.7%	95	16.6%	78.8	-3%	
2	NLG	Mua	26/04/21	38.5	34.95	10.2%	40	14.4%	33.4	-4%	
3	VSC	Mua	28/04/21	48	49.9	-3.8%	55	10%	47	-6%	
4	DGC	Mua	29/04/21	74.6	70	6.6%	81.8	17%	67	-4%	
5	MWG	Mua	04/05/21	139.4	140.9	-1.1%	172	22%	134.6	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 04/05/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	7,900	6.8%	206%	27,380	49	82,900	6,609	(1,291)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2101	1,500	4,650	12.3%	210%	29,160	62	82,900	1,447	(3,203)	MBS	FPT	74,500	6.0	05/07/2021
CHDB2101	1,000	2,590	3.6%	159%	24,900	141	27,200	107	(2,483)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2018	1,200	7,460	5.7%	522%	132,070	10	59,800	7,455	(5)	KIS	HPG	29,999	4.0	14/05/2021
CHPG2020	5,700	37,500	5.9%	558%	760	57	59,800	33,887	(3,613)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2026	3,350	11,100	5.7%	231%	15,290	6	59,800	11,656	556	MBS	HPG	36,500	2.0	10/05/2021
CHPG2101	1,050	7,350	15.8%	600%	23,470	141	59,800	3,341	(4,009)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	6,600	24,000	14.3%	264%	10,620	62	59,800	18,949	(5,051)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CHPG2103	3,900	11,810	10.9%	203%	39,470	63	59,800	8,978	(2,832)	VND	HPG	42,000	2.0	06/07/2021
CHPG2104	1,500	8,000	17.7%	433%	38,680	62	59,800	5,054	(2,946)	MBS	HPG	44,800	3.0	05/07/2021
CHPG2105	3,000	13,640	15.1%	355%	47,760	97	59,800	9,019	(4,621)	HCM	HPG	42,000	2.0	09/08/2021
CKDH2001	1,400	2,720	19.8%	94%	88,500	10	36,950	2,686	(34)	KIS	KDH	26,222	4.0	14/05/2021
CKDH2002	1,600	3,750	17.6%	134%	28,800	104	36,950	2,446	(1,304)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,890	20.4%	189%	37,510	141	36,950	815	(2,075)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CMBB2010	4,600	15,300	3.1%	233%	24,980	41	31,250	15,289	(11)	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	1,600	5,650	16.5%	253%	72,750	63	31,250	2,673	(2,977)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMSN2009	1,200	3,570	-8.0%	198%	31,570	10	95,900	3,428	(142)	KIS	MSN	61,999	9.9	14/05/2021
CMSN2101	1,050	2,990	3.1%	185%	19,610	141	95,900	168	(2,822)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,860	1.1%	186%	19,460	141	95,900	42	(2,818)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMWG2013	12,000	26,350	2.8%	120%	830	57	139,400	21,861	(4,489)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2015	1,900	3,960	-2.7%	108%	47,270	6	139,400	3,944	(16)	HCM	MWG	100,000	10.0	10/05/2021
CMWG2016	1,700	3,440	-0.3%	102%	90,150	37	139,400	3,163	(277)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	2,400	3,450	3.0%	44%	7,060	63	139,400	2,283	(1,167)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,500	1.6%	117%	12,730	90	139,400	4,031	(2,469)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	3,100	3.7%	63%	13,370	62	139,400	1,159	(1,941)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2104	2,400	5,200	8.3%	117%	17,770	(43)	139,400	(69)	(5,269)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CNVL2003	1,000	6,950	0.0%	595%	95,110	38	131,500	6,835	(115)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	4,800	12.9%	380%	34,180	141	131,500	3,427	(1,373)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,290	5.5%	35%	28,000	63	95,200	1,767	(523)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	4,040	1.5%	102%	10,140	90	95,200	3,131	(909)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	3,950	8.2%	36%	21,410	45	95,200	3,322	(628)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2006	1,500	2,410	-12.4%	61%	37,170	6	52,100	0	(2,410)	HCM	REE	66,002	4.0	10/05/2021
CREE2101	2,300	2,970	1.0%	29%	34,910	63	52,100	1,076	(1,894)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,200	11.7%	100%	17,520	141	19,750	11	(2,189)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2007	1,500	6,540	0.6%	336%	53,020	23	24,100	6,558	18	KIS	STB	10,999	2.0	27/05/2021
CSTB2010	1,100	6,100	0.7%	455%	37,330	38	24,100	6,064	(36)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	3,800	12,300	2.1%	224%	26,320	41	24,100	12,129	(171)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	1,000	5,950	12.3%	495%	18,490	141	24,100	1,350	(4,600)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	2,000	8,200	6.5%	310%	11,130	31	24,100	6,133	(2,067)	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	1,400	6,350	13.4%	354%	74,630	97	24,100	3,101	(3,249)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CTCB2012	5,400	21,760	8.8%	303%	55,590	87	43,400	21,512	(248)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	16,300	14.8%	226%	25,160	154	43,400	12,688	(3,612)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	6,720	26.8%	192%	70,450	63	43,400	3,767	(2,953)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	7,850	22.1%	171%	75,970	97	43,400	4,055	(3,795)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCH2001	1,400	600	-10.5%	-57%	96,330	10	22,550	3	(597)	KIS	TCH	22,888	3.9	14/05/2021
CTCH2003	1,600	2,390	11.2%	49%	66,280	104	22,550	148	(2,242)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,760	9.5%	176%	14,090	141	22,550	194	(2,566)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CVHM2008	1,400	3,000	-4.8%	114%	43,000	38	99,200	1,051	(1,949)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	1,100	3,090	0.0%	181%	20,530	141	99,200	136	(2,954)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	2,300	3,700	0.5%	61%	40,070	63	99,200	1,253	(2,447)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	1,650	3,500	10.4%	112%	20,810	31	99,200	637	(2,863)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	1,600	3,700	3.9%	131%	59,190	97	99,200	415	(3,285)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVIC2005	1,500	3,660	6.7%	144%	35,610	38	133,600	2,697	(963)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	1,000	3,510	12.1%	251%	31,280	141	133,600	512	(2,998)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	1,800	4,150	-1.2%	131%	10,770	31	133,600	3,378	(772)	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021
CVJC2006	1,000	1,270	-8.6%	27%	45,870	38	124,000	657	(613)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	1,100	1,180	-2.5%	7%	27,940	38	91,600	(0)	(1,180)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	1,100	2,400	0.0%	118%	13,860	141	91,600	0	(2,400)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	1,700	2,470	5.1%	45%	50,180	63	91,600	0	(2,470)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	1,700	2,510	-2.7%	48%	23,260	45	91,600	0	(2,510)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVPB2015	5,600	34,000	3.7%	507%	12,700	87	59,500	33,633	(367)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVPB2101	2,900	12,400	12.2%	328%	11,780	63	59,500	11,318	(1,082)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	2,800	11,900	17.8%	325%	13,940	31	59,500	12,032	132	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	2,700	12,500	9.5%	363%	20,040	97	59,500	11,604	(896)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVRE2009	1,400	1,040	-9.6%	-26%	44,060	23	31,300	95	(945)	KIS	VRE	30,999	5.0	27/05/2021
CVRE2011	1,500	1,470	-7.0%	-2%	17,390	38	31,300	60	(1,410)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	5,000	8,390	-0.7%	68%	34,330	87	31,300	3,993	(4,397)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,630	-0.4%	119%	15,600	141	31,300	163	(2,467)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	2,400	-3.2%	33%	46,370	63	31,300	410	(1,990)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,500	-2.3%	92%	31,570	97	31,300	230	(2,270)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
VNM	(New)	HOSE	91,600	128,000	04/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
CTD	(New)	HOSE	62,200	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
STK	(New)	HOSE	32,050	41,000	28/04/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
DHG	(New)	HOSE	102,700	100,400	28/04/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
PNJ	(New)	HOSE	95,200	116,000	27/04/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
HPG		HOSE	59,800	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
FPT		HOSE	82,900	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
DGW		HOSE	119,000	103,700	13/04/2021	425	9,881	35,452	28%	11%	10.5	2.8	20%
VHC		HOSE	36,100	48,900	12/04/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
ACV		UPCOM	70,900	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
MSN		HOSE	95,900	110,800	08/04/2021	2,209	1,890	16,195	13%	2%	58.7	6.9	-
ANV		HOSE	22,400	26,000	05/04/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
REE		HOSE	52,100	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
PLX		HOSE	49,650	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	19,750	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
MPC		UPCOM	34,600	44,700	25/03/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
FMC		HOSE	31,150	43,900	18/03/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
GVR		HOSE	25,250	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
VRE		HOSE	31,300	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7%	29.2	3.3	-
TCM		HOSE	109,000	66,000	11/03/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	12.5	2.0	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

MWG	HOSE	139,400	140,600	08/03/2021	4,546	10,036	41,716	24%	9%	14.0	3.4	15%
GAS	HOSE	83,300	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH	HOSE	53,200	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
GMD	HOSE	33,900	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	10%
NLG	HOSE	38,500	39,000	24/02/2021	966	3,763	26,600	14%	7%	10.4	1.5	5%
TNG	HOSE	20,700	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL	HOSE	79,100	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
GTN	HOSE	17,100	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
IMP	HOSE	72,500	59,400	21/01/2021	210	3,144	27,758	12%	10%	18.9	2.3	20%
FRT	HOSE	26,900	37,700	20/01/2021	28	350	15,466	2%	1%	62.0	1.4	10%
VCB	HOSE	99,100	113,000	19/01/2021	18,436	4,971	31,498	17%	1%	22.7	3.6	0%
ACB	HOSE	34,450	32,300	19/01/2021	8,912	4,123	20,313	23%	2%	7.8	3.6	0%
TCB	HOSE	43,400	26,700	19/01/2021	15,022	4,292	25,693	18%	4%	6.5	1.1	0%
VHM	HOSE	99,200	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	12%	9.8	2.4	-
KDH	HOSE	36,950	29,400	19/01/2021	1,763	3,182	17,973	19%	8%	8.5	1.5	-
SAB	HOSE	161,200	182,900	19/01/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
LHG	HOSE	37,350	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
PHR	HOSE	51,000	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
PVS	HNX	19,700	16,100	19/01/2021	928	1,843	27,820	7%	3%	8.7	0.6	5%
PLX	HOSE	49,650	56,200	19/01/2021	3,917	2,905	21,808	17%	7%	19.3	2.6	30%
CTR	UPCOM	81,200	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW	HOSE	12,050	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%
GEG	HOSE	17,300	19,000	19/01/2021	383	1,184	13,017	14%	5%	16.1	1.5	-
BMP	HOSE	59,100	65,900	19/01/2021	542	6,622	32,553	20%	17%	10.0	2.0	40%
CTD	HOSE	62,200	66,000	19/01/2021	702	8,852	115,000	8%	5%	7.5	0.6	30%
VHC	HOSE	36,100	50,600	14/01/2021	892	5,134	26,696	18%	13%	9.9	1.9	-

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.